TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 19-01-2026
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thụy Lan Chi**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Kim Thị Sà Mết**

2. Ông **Huỳnh Tài Em**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Hoàng Thị Nhung**, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Hồng X** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 172/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị Nguyệt N**, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp H, xã V, tỉnh Cà Mau. Căn cước công dân số 034192017802, cấp ngày 09/8/2021, tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (có đơn vắng mặt);

- Bị đơn: Ông **Trần Văn D**, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp H, xã V, tỉnh Cà Mau. Căn cước công dân số 095083006294, cấp ngày 12/9/2022, tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Bùi Thị Nguyệt N trình bày tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 8 năm 2025 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án: Vào năm 2009, bà N và ông D tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đến năm 2014 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Cà Mau) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 72, ngày 30 tháng 7 năm 2014. Bà N và ông D chung sống có một người con chung là cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 01/8/2018, hiện cháu Đ đang sống cùng bà N. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Trong thời gian chung sống, do tính tình không hòa hợp, ông D không lo làm ăn, thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng ý kiến,không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau, bà N và ông D đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu ly hôn với ông D. Về con chung, bà N yêu cầu nuôi cháu Đ, không yêu cầu ông D cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn ông Trần Văn D không có lời khai trong hồ sơ. Lý do, Tòa án nhiều lần triệu tập ông D đến Tòa án làm việc nhưng ông D không đến; Tòa án đến nhà lấy lời khai nhưng ông D không có nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông D. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Đ cho bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dạy. Ông D không phải cấp dưỡng cho cháu Đ do bà N không yêu cầu; về tài sản chung, nợ chung không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 13 tháng 8 năm 2025, bà Bùi Thị Nguyệt N nộp đơn khởi kiện trực tiếp đến Tòa án yêu cầu ly hôn đối với ông Trần Văn D, cư trú ấp H, xã V, tỉnh Cà Mau. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, bà N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, riêng ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần hai không rõ lý do nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông D theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Bà N và ông D tự nguyện chung sống vào năm 2009, đến năm 2014 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Cà Mau) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 72, ngày 30 tháng 7 năm 2014 nên hôn nhân giữa bà N và ông D là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà N xác định trong thời gian chung sống, bà N và ông D có phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, từ đó không ai quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải biết yêu thương, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Hôn nhân giữa bà N và ông D không còn hạnh phúc, quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bà N và ông D ly thân từ năm 2023 đến nay. Hiện tại bà N không còn tình cảm với ông D, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà N yêu cầu

được ly hôn với ông D là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông D.

[3]. Về con chung: Bà N và ông D sống chung có một người con là cháu Trần Hải Đ sinh ngày 01/8/2018, hiện cháu Đ đang sống cùng bà N. Bà N yêu cầu nuôi cháu Đ và không yêu cầu ông D cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con cho ai nuôi là phải xem xét toàn diện, đầy đủ đảm bảo các điều kiện cho con chưa thành niên. Trên cơ sở yêu cầu của bà N, nguyện vọng của cháu Đ và để đảm bảo sự ổn định ăn ở, học hành, sinh hoạt của cháu Đ cần tiếp tục giao cháu Đ cho bà N tiếp tục nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục. Ông D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình làm việc tại Tòa án, bà N không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông D chung sống không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Bà N phải chịu 300.000 đồng, bà N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0002708 ngày 21 tháng 10 năm 2025 được chuyển thu án phí.

[7]. Từ những phân tích trên cần chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Bùi Thị Nguyệt N đối với ông Trần Văn D

2. Về con chung: Giao cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 01/8/2018 cho bà N tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện cháu Đ đang sống cùng bà N. Ông D không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Bà N phải chịu 300.000 đồng, bà N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0002708 ngày 21 tháng 10 năm 2025 được chuyển thu án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lợi, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thụy Lan Chi